Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 27.08.2019 17:25:01 +07:00

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Số: 999 /BC-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 7 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 5 tháng cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 1165/KH-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh năm 2019,

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (gọi tắt Ban Chỉ đạo tỉnh) báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (gọi tắt Chương trình) 7 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ đến cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

UBND các huyện, thành phố phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức tuyên truyền cho các đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân về xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là XDNTM), phát huy vai trò cộng đồng trong XDNTM được 16.649 cuộc, có 326.207 lượt người dự; MTTQ các cấp đã phát hành *6.000 Bản tin Công tác Mặt trận,* 06 *Chuyên trang "Công tác Mặt trận"* trên Báo Tây Ninh, 08 *Chuyên mục "Đại đoàn kết"* trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; vận hành và khai thác tốt *Trang thông tin điện tử* (Website) với hơn 700 tin bài viết được đăng, nâng tổng số người truy cập đến nay trên 141.000 lượt *(trong đó có nhiều tin, bài viết về kết quả thực hiện xây dựng NTM)*; Đài Truyền Thanh các huyện, thành phố xây dựng 36 chuyên mục về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, phát 186 bản tin, 27 bài viết, tổng thời lượng phát là 1.433 giờ. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành ấn phẩm "Tây Ninh chung sức xây dựng NTM" năm 2018 đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Trong 7 tháng đầu năm 2019, công tác huy động nguồn lực trong dân thực hiện các chương trình, dự án XDNTM được đông đảo nhân dân, doanh nghiệp đồng tình hưởng ứng. Các xã vận động nhân dân, doanh nghiệp dậm vá, khai hoang lập nền hạ 09 tuyến đường, chiều dài 6,57 km; tu sửa, nâng cấp 18,5 km đường; làm mới và bê tông xi măng hóa 6 tuyến đường giao thông nông thôn; vận động hiến 15.107 m^2 đất để mở rộng 4,7 km đường; nâng cấp 4,7 km đường phối đá 0-4, 200m bê tông xi măng, 385m láng nhựa, sửa chữa 1.350m, 08m cống, lát gạch vĩa hè 5.230m^2; thực hiện Chương trình Thắp sáng đường quê ở các tuyến đường nông thôn được 15,41km; tiêu hủy 01 bải rác phát sinh tại đường số 11 ấp Thạnh Trung và vận động nhân dân chung tay bảo vệ môi trường.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp vận động nhân dân tham gia 5.349 ngày công lao động; trồng 2.150 cây xanh, thực hiện 08 công trình đường hoa dài 2.486m; gắn 746 bóng đèn thắp sáng 46 tuyến đường dài 1,5 km; thu gom 5,3 tấn rác thải, 592 kg vỏ thuốc bảo vệ thực vật; khai thông 2,5 km kênh mương nội đồng; làm sạch 3.421 tờ quảng cáo trên cột điện; cắm 97 bảng cấm đổ rác.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

UBND cấp huyện đã kiện toàn Ban Chỉ đạo XDNTM, riêng 06 huyện, thành phố: Hoà Thành, Trảng Bàng, Tân Châu, Châu Thành, Thành phố Tây Ninh và Dương Minh Châu đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 -2020. 80/80 xã tiếp tục kiện toàn, duy trì Ban Chỉ đạo, Ban quản lý để chỉ đạo, triển khai các nội dung của Chương trình trên địa bàn xã. Hiện tỉnh vẫn giữ mô hình cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp gồm: Văn phòng Điều phối Chương trình cấp tỉnh, huyện (có 6/9 huyện, thành phố đã thành lập Văn phòng Điều phối NTM), tại cấp xã bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi Chương trình.

3. Công tác chỉ đạo, điều hành chung

Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo tập trung xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, đồng thời đề xuất, tham mưu UBND tỉnh giao vốn để triển khai thực hiện Chương trình năm 2019; xử lý một số khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình, cụ thể:

- UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2020; công nhận 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; phân bổ vốn (ngân sách Trung ương) thực hiện Chương trình MTQG XDNTM năm 2019; ban hành Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tây Ninh năm 2019; Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2010-2020; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ triển khai thực hiện Chương trình MTQG XDNTM năm 2019.

- Ban Chỉ đạo tỉnh đã phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan: Tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG XDNTM năm 2018 trên địa bàn các huyện, thành phố; tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm

Chương trình MTQG XDNTM năm 2016-2018; báo cáo đề xuất danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị UBND tỉnh khen thưởng tại Hội nghị Sơ kết.

- Ban Chỉ đạo huyện Hoà Thành thực hiện *cơ chế giao quyền chủ động cho người dân và cộng đồng trong thực hiện XDNTM trên địa bàn xã*, đại diện là UBND các xã tổ chức, hướng dẫn cho người dân thực hiện mô hình tự quản đối với các công trình do người dân đóng góp (các công trình làm đường giao thông nông thôn, lắp đặt đèn thắp sáng đường quê...).

- Ban Chỉ đạo huyện Bến Cầu chọn ấp Bảo xã Long Giang làm điểm xây dựng ấp NTM, đang lập dự toán phân bổ nguồn vốn để đầu tư đạt chuẩn vào giai đoạn 2019-2020.

- Tình hình tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình: UBND xã Bình Minh (Thành phố Tây Ninh), UBND xã Long Thành Bắc, UBND huyện Hòa Thành đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình, các huyện còn lại hoàn thành tổng kết trong tháng 8/2019.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch XDNTM

Đến nay 80/80 xã đã hoàn thành rà soát điều chỉnh quy hoạch. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND cấp huyện đã chỉ đạo các xã, các ngành triển khai thực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đúng theo quy hoạch.

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ sở hạ tầng

Từ nguồn vốn của Chương trình, lồng ghép các nguồn vốn khác, vận động nhân dân, kết cấu hạ tầng - kinh tế xã hội của xã được tiếp tục quan tâm đầu tư, đã xây dựng, nâng cấp 172,5 km đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa 14,3 km kênh mương nội đồng; xây dựng 64 trường học đạt chuẩn (trong đó có 23 công trình khởi công mới); nâng cấp 13 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã, 49 Nhà văn hóa ấp.

Đến nay có 31 xã đạt tiêu chí giao thông (chiếm tỷ lệ 48%), 75 xã đạt tiêu chí thủy lợi (chiếm tỷ lệ 93%), 75 xã đạt tiêu chí điện (chiếm tỷ lệ 93%), 39 xã đạt tiêu chí trường học (chiếm tỷ lệ 48%), 34 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (chiếm tỷ lệ 43%), 67 xã đạt tiêu chí chợ (chiếm tỷ lệ 84%), 80 xã đạt tiêu chí thông tin và truyền thông (chiếm tỷ lệ 100%), 67 xã đạt tiêu chí nhà ở dân cư (chiếm tỷ lệ 83%).

3. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác khuyến nông; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Thành lập được 01 cơ sở sản xuất lúa giống cấp xác nhận tại xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu và 19 tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất lúa giống; thực hiện chọn điểm và đang triển khai xây dựng 06/06 điểm mô hình trồng rau công nghệ cao áp dụng hệ thống bón phân tự động, tưới nước tiết kiệm, quy mô 600 m^2. UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (GAP) cho nông dân trồng cây ăn quả trên

địa bàn tỉnh gồm 20 vùng với tổng diện tích dự kiến là 885,26 ha. Ngoài ra, ngành nông nghiệp cũng đã tập trung triển khai các biện pháp kỹ thuật canh tác mới trên các loại cây ăn trái: xoài, nhãn, sầu riêng, thanh long, … chỉ đạo cán bộ kỹ thuật thường xuyên theo dõi tình hình sinh trưởng phát triển, sâu bệnh hại, công thức phân bón để có đánh giá so sách và khuyến cáo phương pháp canh tác tốt nhất cho người dân; Phối hợp các công ty vận động nông dân chuyển đổi qua các mô hình sản xuất hữu cơ trên cây bưởi, xoài, cây lúa và cây khoai mỳ. Xúc tiến đoàn nghiên cứu mô hình trồng mì hữu cơ tại Thái Lan, mô hình sảm xuất tinh bột khoai lang tại Vĩnh Long, Thanh Hóa, phối hợp với Tanifood trình diễn các mô hình vùng nguyên liệu phục vụ chế biến trên thơm, nhãn,…

b) Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn.

Về liên kết sản xuất- tiêu thụ đã triển khai trên cây lúa, rau, cây ăn quả,... Tạo cầu nối giữa nông dân sản xuất với các doanh nghiệp bao tiêu lúa vụ cụ thể: Công ty Lộc Trời 270 ha tại xã Trí Bình và xã Thành Long; Công ty Sài gòn Kim Hồng 50 ha tại xã Gia Bình; Công ty TNHH MTV lương thực Vĩnh Hưng 42 ha tại xã An Hòa; Công ty Đại Hưng 95 ha tại xã An Thạnh; 25 ha tại xã Tiên Thuận; Công ty Giống cây trồng Đồng Tháp 50 ha; Phối hợp với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp An Hòa, Công ty TNHH thương mại- Dịch vụ Sài Gòn Kim Hồng tổ chức trình diễn mô hình máy sạ lúa cụm theo hàng tại ấp An Thới, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng.

Tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi thông tin và thỏa thuận hợp tác giữa siêu thị Coopmart Tây Ninh và các cơ sở sản xuất rau an toàn trên địa bàn (HTX, TLK, THT,...) nhằm đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn, đồng thời đang thực hiện hỗ trợ xây dựng 03 dự án nhà sơ chế và thành lập 22 cửa hàng kinh doanh rau an toàn.

Thành lập được 4 nhóm nông dân chuyên sản phẩm (Câu lạc bộ, tổ hợp tác, tổ liên kết,...) ở các vùng sản xuất chuyên canh, chuyên sản phẩm, quy mô lớn đối với các loại cây ăn quả chủ lực của tỉnh: Mãng cầu (Suối Đá – Dương Minh Châu); Sầu riêng (Bàu Đồn - Gò Dầu); Nhãn (Truông Mít - Dương Minh Châu và Trường Đông - Hòa Thành), ... Các Câu lạc bộ, tổ nhóm thường xuyên tổ chức sinh hoạt 1 lần/tháng có sự tham gia của cán bộ kỹ thuật và đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu thụ.

Phát triển vùng nguyên liệu cây ăn quả phục vụ chế biến xuất khẩu: Công ty Cổ phần Lavifood ký hợp đồng sản xuất bao tiêu sản phẩm với nông dân các huyện Tân Biên, Gò Dầu, Dương Minh Châu và Bến Cầu, diện tích 149,43 ha; đồng thời các huyện Tân Biên, Dương Minh Châu triển khai phát triển vùng nguyên liệu khóm, nhãn, diện tích 700 ha. Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn CO.OP) khảo sát Hợp tác xã sản xuất mãng cầu theo tiêu chuẩn VietGAP xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh; vùng sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP (Bưởi, Quýt đường, Cam sành) của Công ty Sáu Như Một xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên và Vựa trái cây Tám Hưng xã Tân Bình, huyện Tân Biên, chuẩn bị ký hợp đồng đưa sản phẩm vào tiêu thụ trong hệ thống Co.opMart.

UBND tỉnh ký bản thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam - Vietnam Airlines đưa sản phẩm: Dưa lưới vỏ xanh ruột cam, dưa lưới vỏ vàng ruột

xanh, dưa lê vỏ trắng ruột trắng (đạt tiêu chuẩn VietGAP); Đường hữu cơ; Hạt điều rang (đạt chuẩn HACCP); Sản phẩm nước trái cây các loại (đạt chuẩn quốc tế: Kosher, Halal, ISO-HACCP-BRC) lên phục vụ trên các chuyến bay của Vietnam Airlines và các gian hàng trong phòng chờ bay các sân bay thuộc hệ thống Hàng Không Việt Nam Airlines.

Đối với sản phẩm thịt gia cầm và thịt heo: Hoàn thiện mô hình chuỗi cung ứng thịt heo an toàn: Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam xây dựng đưa vào kinh doanh 33 quầy bán thịt heo an toàn trên địa bàn TP. Tây Ninh, Bến Cầu, Dương Minh Châu, Gò Dầu, Hòa Thành, Châu Thành, Tân Biên, Tân Châu và 01 tổ liên kết sản xuất-tiêu thụ thịt vào hệ thống siêu thị Coopmart, cửa hàng thực phẩm an toàn, bếp ăn trường học, với nguồn cung ứng từ các cơ sở heo chứng nhận VietGAHP.

c) Tình hình phát triển cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 17/6/2019 về chính sách Hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 về chính sách Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025. Đối với dự án phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: "Phát triển chuỗi giá trị rau quả ứng dụng công nghệ thông minh với khí hậu tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2026" đã được Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định danh mục đưa vào danh sách của Nhà tài trợ ADB gồm 04 hợp phần với tổng mức đầu tư 1.399 tỷ đồng (tương ứng 51,2 triệu USD). Hiện tỉnh đã làm việc với đơn vị tư vấn để hoàn chỉnh Đề xuất dự án vốn vay trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định trình Chính phủ phê duyệt.

d) Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

Toàn tỉnh có 80 HTX nông nghiệp, trong đó có 06 HTX ứng dụng công nghệ cao chiếm 7,5%; 36 HTX có hoạt động liên kết, đạt 45% so với tổng số HTX. Phân loại: Có 11 HTX hoạt động giỏi (13,75%); có 14 HTX hoạt động khá (17,5%); 26 HTX hoạt động trung bình (32,5%); 01 HTX hoạt động yếu (1,25%); 28 HTX chưa đánh giá (35%). UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1331/KH-UBND thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2019-2020, trong đó thí điểm hỗ trợ 08 HTX tuyển dụng 11 cán bộ (lương của cán bộ được tuyển dụng do ngân sách đảm bảo 100%).

Đề án Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030 đã lấy ý kiến các đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố; dự kiến trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong tháng 9/2019.

e) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

UBND tỉnh đã ban Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019, trong năm 2019 tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho 129 lớp với 4.205 lao động nông thôn, trong đó: Nghề nông nghiệp: 82 lớp với 2.170 lao động. Nghề phi nông nghiệp: 47 lớp với 1.495 lao động.

Có 53 xã đạt tiêu chí thu nhập (chiếm tỷ lệ 66%), 66 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất (chiếm tỷ lệ 82%); 72 xã đạt tiêu chí lao động có việc làm (chiếm tỷ lệ 90%).

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện các giải pháp, chính sách giảm nghèo với các chương trình, dự án như: Cho vay vốn sản xuất, hỗ trợ cây, con giống; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo... được các huyện, thành phố tích cực thực hiện; về chăm sóc y tế, đã cấp 27.446 thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho đối tượng, đảm bảo số đối tượng phát sinh được cấp thẻ BHYT theo quy định; hỗ trợ tiền điện cho 7.609 hộ nghèo và cận nghèo chuẩn Trung ương; Ngân hàng chính sách xã hội đã cho 1.703 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi với kinh phí 49.511 triệu đồng. Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh phối hợp các tổ chức đoàn thể xây mới và bàn giao được 58 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo trị giá 2.390 triệu đồng từ Quỹ Vì người ngèo.

Có 71 xã đạt tiêu chí hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 88%).

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 18.624/18.671, tỷ lệ 99,7%. Duy trì 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi học 2 buổi/ngày, trong đó có 1.072 trẻ 5 tuổi tại cơ sở giáo dục mầm non tư thục. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 98,75%, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,99%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học chung toàn tỉnh đạt 94,97%; tỷ lệ hoàn thành trung học cơ sở đạt 99,92%.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Tiếp tập trung đầu tư hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nhân lực, thường xuyên giám sát, hỗ trợ, chấn chỉnh nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn ở các trạm y tế xã và triển khai kế hoạch phấn đấu thực hiện mục tiêu đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 81,9% so với dân số toàn tỉnh. Có 49 xã đạt tiêu chí y tế (chiếm tỷ lệ 61%).

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng. Thực hiện 04 tấm băng rôn, 200 tấm phướn, 04 cụm pano chiến lược và nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao khác phục vụ nhân dân.

UBND tỉnh ban hành hướng dẫn mẫu đăng ký thi đua xây dựng danh hiệu "Gia đình văn hóa" trên địa bàn tỉnh. Ngành văn hóa trình UBND tỉnh sửa đổi một số tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 14/7/2010 ban hành tiêu chuẩn "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới".

Đến tháng 6/2018, có 76 xã đạt tiêu chí văn hóa (chiếm tỷ lệ 95%).

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

Thực hiện chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 hiện đã chi hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện là 12 tỷ đồng để tổ chức triển khai lắp đặt hệ thống xử hộ dân nông thôn. Tiếp tục vận hành 67 công trình cấp nước tập trung; vận động nhân dân, cộng đồng tham gia vệ sinh 4.800 km đường giao thông, tổ chức thu gom 13 tấn rác thải làm sạch đường ngõ xóm, khai thông 12 km kênh nội đồng.

Các xã trên địa bàn tỉnh, nhất là các xã trong kế hoạch đạt chuẩn NTM đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi người dân về sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, công tác bảo vệ môi trường, xây dựng quy ước bảo vệ môi trường, thành lập Ban Chỉ đạo về công tác vệ sinh môi trường, thành lập tổ vệ sinh môi trường của xã và mỗi ấp thành lập tổ vệ sinh môi trường, thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm ít nhất 1 tháng/1 lần (thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh); hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Có 63 xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm (chiếm tỷ lệ 78%).

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong XDNTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Về cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công: Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp tục hoạt động hiệu quả để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp liên hệ, giải quyết thủ tục hành chính.

Về xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân: đã tổ chức 05 Hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, biên soạn và cấp phát 310 bộ tài liệu tuyên truyền pháp luật, 2.000 tờ gấp hỏi đáp cho phụ nữ, 2.250 tờ gấp hỏi đáp pháp luật cho đối tượng đặc thù là người lao động trong các khu, cụm công nghiệp, xí nghiệp.

Có 69 xã đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (chiếm tỷ lệ 86%).

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Về đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn: Tiếp tục chỉ đạo, triển khai công tác xây dựng ấp, xã an toàn về an ninh trật tự theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an,

Về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia: Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2019. Tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới cơ bản ổn định.

Có 76 xã đạt tiêu chí quốc phòng và an ninh (chiếm tỷ lệ 95%).

11. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Ban Chỉ đạo đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát Chương trình năm 2019 (dự kiến kiểm tra tình hình triển khai Chương trình 7 tháng đầu năm trên địa bàn các

huyện, thành phố trong tháng 8/2018); bên cạnh đó, các Sở, Ngành phụ trách tiêu chí NTM đã chủ động kiểm tra, hướng dẫn các xã thực hiện tiêu chí do ngành phụ trách, tập trung tại các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2019.

4. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

Tổng kế hoạch vốn đầu tư Chương trình năm 2019 là **2.141.608 triệu đồng**. Cụ thể:

a) Vốn Ngân sách nhà nước (NSNN): 384.268 triệu đồng, chiếm 17,9%.

- Vốn NSNN đầu tư trực tiếp Chương trình 280.650 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 106.000 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 78.400 triệu đồng, vốn sự nghiệp 27.600 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương 174.650 triệu đồng, gồm: Vốn ngân sách tỉnh 127.850 triệu đồng; vốn ngân sách cấp huyện 46.800 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn: 103.618 triệu đồng.

b) Vốn huy động từ doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế khác: 270.720 triệu đồng, chiếm 12,6%.

c) Vốn tín dụng (đầu tư phát triển và thương mại): 1.281.600 triệu đồng, chiếm 59,9%.

d) Vốn huy động cộng đồng: 204.480 triệu đồng, chiếm 9,6%.

5. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM (theo báo cáo của các huyện, thành phố): Bình quân tiêu chí NTM đạt được trên toàn tỉnh: 15,6 tiêu chí (tăng 0,6 tiêu chí so với 3 tháng đầu năm 2019), phân loại theo nhóm: Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có quyết định công nhận 36 xã; Số xã đạt chuẩn duy trì 19 tiêu chí: 34 xã; đạt từ 15-18 tiêu chí có 10 xã; đạt từ 10-14 tiêu chí có 29 xã; đạt từ 05-09 tiêu chí có 07 xã.

06 xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2019: 01 xã đạt 17 tiêu chí (Hiệp Tân); 03 xã đạt 16 tiêu chí (Thạnh Tân, Ninh Điền, Lợi Thuận), 02 xã đạt 14 tiêu chí (Suối Ngô, Trường Hòa). Các tiêu chí chưa đạt của 09 xã chủ yếu tập trung ở nhóm tiêu chí Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội (Giao thông, thủy lợi, trường học và cơ sở vật chất văn hóa) và nhóm Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (tiêu chí Y tế).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

Các ngành, địa phương và huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình 2019 ngay từ đầu năm; cơ bản hoàn thành công tác phân khai, giao vốn hỗ trợ mục tiêu XDNTM năm 2019. Nhiệm vụ thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2018 được thực hiện khẩn trương, hoàn thành trong quý I/2019 theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện được kiện toàn đủ thành phần, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành ở tất cả các lĩnh vực trên địa bàn huyện; MTTQ và các đoàn thể huyện, xã đã góp phần quan trọng trong công tác tuyên

truyền, vận động nhân dân tham gia XDNTM, thực hiện tốt phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức XDNTM" giai đoạn 2016-2020.

Các ban, ngành, huyện, xã, ấp và nhiều hộ nông dân điển hình tiên tiến có nhiều cố gắng và đóng góp nguồn lực trong việc triển khai và thực hiện Chương trình.

Triển khai các mô hình phát triển sản xuất, cơ cấu lại nông nghiệp gắn với XDNTM, triển khai lồng ghép hiệu quả các đề án của tỉnh trong sản xuất nông nghiệp, làm cơ sở để mở rộng diện tích sản xuất, phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng nâng cao lợi nhuận, tăng thu nhập cho người dân.

2. Mặt hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Nguồn vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ năm 2019 phân khai vào cuối tháng 4/2019 nên nhiều nhiệm vụ: Tuyên truyền, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo tập huấn chưa được các ngành, địa phương triển khai theo kế hoạch.

Việc triển khai xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao còn lúng túng do ngân sách năm 2019 chỉ cân đối hỗ trợ cho các huyện, thành phố thực hiện nội dung duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư, nhìn chung nguồn vốn ngân sách hỗ trợ xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao trong thời gian tới hạn chế do phải ưu tiên bố trí cho các xã XDNTM theo kế hoạch giai đoạn 2016-2020.

Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2019-2020 (sử dụng nguồn vốn XDNTM ngân sách Trung ương để hỗ trợ) chậm ban hành do phải trình HĐND tỉnh phê duyệt kinh phí.

Công tác vận động nguồn lực nhân dân triển khai còn chậm, chưa đạt hiệu quả; về đầu tư cơ sở hạ tầng còn ở mức cao do chưa chủ động được nguồn vật liệu tại chỗ.

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội như: Đường giao thông; hệ thống thủy lợi, chợ, trường học, trung tâm văn hóa… do nguồn vốn đầu tư có hạn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư các xã NTM. Một số công trình giao thông đã đầu tư trong giai đoạn 2011-2015 bị xuống cấp chưa được duy tu, bảo dưỡng.

Một số huyện, xã chưa thường xuyên mạnh dạn và đánh giá sát hợp các tiêu chí đạt được để lập hồ sơ công nhận.

Trong XDNTM, công tác tuyên truyền, vận động tuy có triển khai quyết liệt nhưng vẫn chưa tạo được sự hưởng ứng mạnh mẽ trong nhân dân, chất lượng còn hạn chế, người dân tuy đã hiểu biết về nội dung XDNTM nhưng việc kêu gọi, huy động nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia Chương trình MTQG XDNTM còn hạn chế. Các huyện, xã chưa có kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực trong cộng đồng dân cư; nguồn vốn trong XDNTM chủ yếu từ ngân sách nhà nước, vốn huy động nhân dân rất thấp.

Thành viên Ban Chỉ đạo huyện, xã kiêm nhiệm nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác XDNTM dẫn đến công tác tham mưu chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao.

Tình hình thời tiết, Dịch tả lợn Châu Phi đang xảy ra các tỉnh lân cận, giá cả nông sản không ổn định đã tác động đến đời sống kinh tế của một số bộ phận người dân, từ đó ảnh hưởng đến đời sống, mức thu nhập người dân.

Kinh tế hợp tác ở nông thôn có phát triển, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; nông nghiệp sạch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chậm phát triển. Riêng đối với một số HTX hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa xây dựng phương án phát triển sản xuất khả thi, chưa tiếp cận được nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 5 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

36 xã đã đạt chuẩn NTM duy trì 19 tiêu chí và triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2019-2020.

Phấn đấu tăng thêm 06 xã đạt chuẩn NTM (nâng tổng số xã đạt chuẩn cuối năm 2019 là 42 xã), gồm: Thạnh Tân (Thành phố Tây Ninh), Suối Ngô (huyện Tân Châu), Ninh Điền (huyện Châu Thành), Hiệp Tân, Trường Hòa (huyện Hòa Thành), Lợi Thuận (huyện Bến Cầu).

38 xã còn lại, mỗi xã tăng từ 1-3 tiêu chí.

Số tiêu chí NTM bình quân/xã đạt 16,1 tiêu chí. Cụ thể: Thành phố Tây Ninh 17,3 tiêu chí/xã và các huyện: Tân Biên 16,3 tiêu chí/xã, Tân Châu 13,6 tiêu chí/xã, Dương Minh Châu 15,2 tiêu chí/xã, Châu Thành 16,1 tiêu chí/xã, Hòa Thành 19 tiêu chí/xã, Gò Dầu 17,8 tiêu chí/xã, Bến Cầu 17,4 tiêu chí/xã, Trảng Bàng 16,4 tiêu chí/xã.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo tỉnh trình UBND tỉnh: Đề án Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Đề án XDNTM tại ấp thuộc các xã vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2020; Tiêu chí XDNTM tại ấp thuộc các xã vùng đặc biệt khó khăn; Quy trình xét công nhận, công bố ấp đạt chuẩn NTM.

2. Ban Chỉ đạo tỉnh đã phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan: Đề xuất danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị UBND tỉnh khen thưởng tại Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức XDNTM"; tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2010-2020.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 (phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI).

4. Tiến hành công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án Xây dựng xã NTM ở các xã phù hợp quy hoạch NTM, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của huyện, khả năng bố trí, huy động nguồn vốn của địa phương.

5. Các địa phương hoàn chỉnh kế hoạch XDNTM năm 2019 (bao gồm thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao); kế hoạch địa phương cần cụ thể hóa các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện phù hợp tình hình thực tế địa phương và đảm bảo theo chỉ tiêu kế hoạch phân bổ của tỉnh năm 2019 và cả giai đoạn 2016-2020.

6. Các Sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí NTM khẩn trương hướng dẫn tiêu chí nâng cao do ngành phụ trách để xây dựng Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020.

7. Thực hiện đồng bộ giữa đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu về kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn (nhất là vùng sâu, vùng biên giới).

8. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định (ngoại trừ các xã biên giới), đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, không yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống các cơ chế chính sách có liên quan XDNTM. Tiếp tục xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong XDNTM. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện ở tất cả các xã trên địa bàn tỉnh; đảm bảo chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG XDNTM mới 7 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 5 tháng cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:
- TT.TU; TT.HĐND;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CT MTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, KTTC
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

07KTTC_V NAM_BCBCD

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN.

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Văn Chiến

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 7 THÁNG NĂM ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 299 /BC-BCĐ ngày 27/8/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả huy động 7 tháng đầu năm 2019	So sánh TH/KH năm (%)	Tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn (%)
	TỔNG SỐ	**2.141.068**	**758.788**	35.4%	
A	**VỐN NGÂN SÁCH**	**384.268**	**384.268**	100.0%	17.9%
	Trung ương	129.618	129.618	100.0%	
	Địa phương	254.650	254.650	100.0%	
	- Tỉnh	207.850	207.850	100.0%	
	- Huyện	46.800	46.800	100.0%	
A1	**VỐN TRỰC TIẾP CHƯƠNG TRÌNH**	**280.650**	**280.650**	100.0%	13.1%
I	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**106.000**	**106.000**	100.0%	
1	Đầu tư phát triển	78.400	78.400	100.0%	
2	Sự nghiệp	27.600	27.600	100.0%	
II	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**174.650**	**174.650**	100.0%	
1	Tỉnh	**127.850**	**127.850**	100.0%	
-	Đầu tư phát triển	127.850	127.850	100.0%	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả huy động 7 tháng đầu năm 2019	So sánh TH/KH năm (%)	Tỷ lệ cơ cấu nguồn vốn (%)
-	Sự nghiệp		-		
2	Huyện	**46.800**	**46.800**	100.0%	
-	Đầu tư phát triển	46.800	46.800	100.0%	
-	Sự nghiệp		-		
A2	**VỐN LỒNG GHÉP**	**103.618**	**103.618**	100.0%	4.8%
I	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**23.618**	**23.618**	100.0%	
1	Đầu tư phát triển	13.804	13.804	100.0%	
2	Sự nghiệp	9.814	9.814	100.0%	
II	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**80.000**	**80.000**	100.0%	
1	Tỉnh	80.000	80.000	100.0%	
-	Đầu tư phát triển	80.000	80.000	100.0%	
-	Sự nghiệp				
2	Huyện				
-	Đầu tư phát triển				
-	Sự nghiệp				
B	**VỐN TÍN DỤNG**	**1.281.600**	**267.000**	20.8%	59.9%
C	**VỐN DOANH NGHIỆP**	**270.720**	**56.400**	20.8%	12.6%
D	**CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**	**204.480**	**51.120**	25.0%	9.6%

Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 299/BC-BCĐ ngày 27/8/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Tây Ninh)

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 7 tháng đầu năm 2019	
I	**THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NTM**					
1	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã**	*xã*	14.9	16.1	15.67	
2	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã biên giới**	*tiêu chí*	13.6	15.6	13.6	
3	**Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã**					
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	*xã*	36	42	36	
	Số xã đạt chuẩn duy trì 19 tiêu chí				34	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	*xã*			0	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	*xã*			3	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	*xã*	3	4	3	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	*xã*	5	10	4	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	*xã*	11	8	11	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	*xã*	7	4	8	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	*xã*	4	3	5	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	*xã*	3	3	3	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	*xã*	4	6	2	
	Số xã đạt 09 tiêu chí	*xã*	2		2	
	Số xã đạt 08 tiêu chí	*xã*	2		4	
	Số xã đạt 07 tiêu chí	*xã*	2		0	
	Số xã đạt 06 tiêu chí	*xã*	1		1	
	Số xã đạt 05 tiêu chí	*xã*				
4	**Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới**					
	Số xã đạt tiêu chí Quy hoạch	*xã*	*80*	*80*	80	
	Số xã đạt tiêu chí Giao thông	*xã*	*36*	*42*	39	
	Số xã đạt tiêu chí Thủy lợi	*xã*	*74*	*74*	75	

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện 7 tháng đầu năm 2019	
	Số xã đạt tiêu chí Điện	*xã*	*43*	*80*	75	
	Số xã đạt tiêu chí Trường học	*xã*	*37*	*42*	39	
	Số xã đạt tiêu chí CSVC văn hóa	*xã*	*37*	*42*	39	
	Số xã đạt tiêu chí Chợ	*xã*	*40*	*69*	66	
	Số xã đạt tiêu chí Bưu điện	*xã*	*80*	*80*	80	
	Số xã đạt tiêu chí Nhà ở	*xã*	*36*	*73*	67	
	Số xã đạt tiêu chí Thu nhập	*xã*	*50*	*66*	53	
	Số xã đạt tiêu chí Hộ nghèo	*xã*	*65*	*65*	71	
	Số xã đạt tiêu chí LĐ có việc làm thường xuyên	*xã*	*72*	*80*	72	
	Số xã đạt tiêu chí Hình thức tổ chức SX	*xã*	*63*	*65*	66	
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục	*xã*	*65*	*78*	68	
	Số xã đạt tiêu chí Y tế	*xã*	*61*	*56*	49	
	Số xã đạt tiêu chí Văn hóa	*xã*	*77*	*78*	76	
	Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm	*xã*	*64*	*65*	63	
	Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	*xã*	*70*	*80*	69	
	Tiêu chí Quốc phòng và An ninh	*xã*	*76*	*76*	76	

Phụ lục III

TỔNG HỢP 80 XÃ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG THÔN MỚI 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 2991 /BC-BCĐ ngày 27/8/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Huyện/TP	Xã biên giới	Năm đạt chuẩn và KH đạt chuẩn	TH năm 2018	Tiêu chí																		KH 2019	Thực hiện7 tháng đầu năm 2019
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh		
A	*B*				*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*		
TP Tây Ninh (3 xã)																								
1	Bình Minh		2014	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
2	Thạnh Tân		2019	16	1		1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	19	16
3	Tân Bình		2020	13	1		1	1	1		1	1	1		1	1	1			1		1	14	13
Tổng số tiêu chí đạt				48	3	1	3	3	3	2	3	3	3	1	3	3	3	2	1	3	2	3	3	52	48
Bình quân tiêu chí/xã				16																			17.3	16
Huyện Tân Biên (9 xã)																								
1	Thạnh Bình		2014	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
2	Tân Lập	x	2015	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	19	17
3	Tân Phong		2016	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	19	17
4	Mỏ Công		2017	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	19	19
5	Hòa Hiệp	x	2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
6	Tân Bình	x		13	1		1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	13	13
7	Trà Vong			12	1		1	1			1	1	1		1	1	1			1	1		12	12
8	Thạnh Bắc			11	1		1	1			1	1	1			1	1			1	1		12	11
9	Thạnh Tây			14	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1			1	1	1	15	14
Tổng số tiêu chí đạt				141	9	5	9	9	5	5	9	9	9	6	8	9	9	5	2	9	9	7	7	147	141
Bình quân tiêu chí/xã				16																			16.3	16
Huyện Tân Châu (11 xã)																								
10	Thạnh Đông		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
11	Tân Hưng		2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
12	Tân Hà	x	2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
13	Suối Ngô	x	2019	14	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		19	14
1	Tân Đông	x	2020	9	1		1	1			1	1			1	1		1		1			14	9
15	Tân Phú			12	1	1	1	1	1		1	1		1	1	1		1					10	12
16	Tân Thành			6	1		1	1				1				1							10	6
17	Tân Hòa	x		11	1		1	1			1	1		1	1	1	1			1			10	11
18	Suối Dây			13	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1		1				1	10	13
19	Tân Hiệp			8	1		1	1			1	1				1		1					10	8
20	Tân Hội			9	1		1	1				1			1	1		1		1			10	9
Tổng số tiêu chí đạt				139	11	5	11	11	4	4	8	11	5	7	9	11	5	9	3	7	4	4	10	150	139
Bình quân tiêu chí/xã				13																			13.6	13
Huyện D.M.Châu (10 xã)																								
21	Bến Cũi		2014	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
22	Chà Là		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
23	Phước Ninh		2016	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
24	Cầu Khởi		2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
25	Phan			14	1		1	1				1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	16	14
26	Truông Mít			11	1		1					1		1	1	1	1	1	1	1		1	14	11
17	Suối Đá			10	1		1					1			1			1	1	1	1	1	13	10

Số TT	Huyện/TP	Xã biên giới	Năm đạt chuẩn và KH đạt chuẩn	TH năm 2018	Tiêu chí																			KH 2019	Thực hiện7 tháng đầu năm 2019
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh		
28	Lộc Ninh			8	1		1					1			1	1				1		1	1	11	8
29	Phước Minh			8	1							1			1	1				1		1	1	11	8
30	Bàu Năng			8	1							1			1	1				1		1	1	11	8
Tổng số tiêu chí đạt				135	10	4	8	5	4	4	4	10	4	7	9	10	6	8	7	10	6	10	9	152	135
Bình quân tiêu chí/xã				14																				15.2	14
Huyện C. Thành (14 xã)																									
34	Thanh Điền		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
35	An Bình		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
36	Thái Bình		2017	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
37	Hòa Hội	x	2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
38	Ninh Điền	x	2019	16	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
39	Phước Vinh	x	2020	14	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
40	Đồng Khởi			14	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
41	Tri Bình			13	1		1	1			1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	19	16
42	An Cơ			15	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	15	14
43	Thành Long	x		13	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	15	14
44	Hòa Thạnh	x		15	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	14	13
45	Biên Giới	x		12	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	15	15
46	Hảo Đước			13	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	14	13
47	Long Vĩnh			14	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	15	15
Tổng số tiêu chí đạt				215	14	4	14	14	4	4	14	14	13	8	11	14	12	13	10	14	11	13	14	226	215
Bình quân tiêu chí/xã				15																				16.1	15
Huyện Hòa Thành (7 xã)																									
48	Long Thành Trung		2014	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
49	Long Thành Bắc		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
50	Long Thành Nam		2016	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
53	Trường Tây		2017	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
52	Trường Đông		2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
51	Trường Hòa		2019	14	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
54	Hiệp Tân		2019	17	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
Tổng số tiêu chí đạt				126	7	6	7	7	5	6	7	7	7	6	7	7	7	7	5	7	7	7	7	133	126
Bình quân tiêu chí/xã				18.0																				19.0	18.0
Huyện Gò Dầu (8 xã)																									
55	Phước Trạch		2014	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
56	Phước Đông		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
57	Bàu Đồn		2016	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
58	Thanh Phước		2017	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
61	Phước Thạnh		2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
59	Cẩm Giang			13	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
60	Thạnh Đức			15	1			1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
62	Hiệp Thạnh			14	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
Tổng số tiêu chí đạt				137	8	5	7	8	5	5	7	8	8	5	8	8	8	8	7	8	8	8	8	142	137
Bình quân tiêu chí/xã				17																				17.8	17
Huyện Bến Cầu (8 xã)																									0
2	Long Khánh	x	2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19

Số TT	Huyện/TP	Xã biên giới	Năm đạt chuẩn và KH đạt chuẩn	TH năm 2018	Tiêu chí																				KH 2019	Thực hiện7 tháng đầu năm 2019
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh			
64	Long Phước	x	2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
65	Long Thuận	x	2016	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
66	Long Chữ		2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
67	Lợi Thuận	x	2019	16	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
68	Tiên Thuận	x		14	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
69	An Thạnh			13	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	16
70	Long Giang			14	1		1	1				1	1	1	1	1		1	1	1		1	1	1	15	14
Tổng số tiêu chí đạt				**133**	**8**	**4**	**8**	**8**	**4**	**4**	**7**	**8**	**8**	**8**	**7**	**8**	**6**	**8**	**6**	**8**	**7**	**8**	**8**		139	133
Bình quân tiêu chí/xã				**16.6**																					17.4	16.6
Huyện Trảng Bàng (10 xã)																										0
71	An Tịnh		2014	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
72	An Hòa		2015	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
73	Lộc Hưng		2016	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
74	Gia Lộc		2017	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
75	Bình Thạnh	x	2018	19	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
76	Phước Chỉ	x	2020	14	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
77	Phước Lưu			10	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
78	Gia Bình			15	1		1	1				1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
79	Hưng Thuận			12	1		1	1				1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	15	14
80	Đôn Thuận			12	1			1			1	1	1		1	1	1	1	1	1			1	1	12	10
Tổng số tiêu chí đạt				**158**	**10**	**5**	**8**	**10**	**5**	**5**	**7**	**10**	**10**	**5**	**9**	**10**	**10**	**8**	**8**	**10**	**9**	**9**	**10**		164	158
Bình quân tiêu chí/xã				**15.8**																					16.4	15.8
TỔNG CỘNG				**1194**	**80**	**39**	**75**	**75**	**39**	**39**	**66**	**80**	**67**	**53**	**71**	**72**	**66**	**68**	**49**	**76**	**63**	**69**	**76**		1305	1198
Tổng số xã					80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80			
Tỷ lệ					100%	49%	94%	94%	49%	49%	83%	100%	84%	66%	89%	90%	83%	85%	61%	95%	79%	86%	95%			